

Số: /KH-UBND

Bắc Yên, ngày tháng 5 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển công nghiệp chế biến nông sản huyện Bắc Yên**  
**giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 23/7/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Yên lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; UBND huyện xây dựng Kế hoạch với các nội dung sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

1.1. Đến năm 2030, ngành công nghiệp chế biến nông sản của huyện tập trung phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bền vững, thông minh, an toàn thực phẩm, hiệu quả, có sức cạnh tranh, đáp ứng các yêu cầu của thị trường, góp phần tăng nhanh giá trị gia tăng sản phẩm chế biến nông sản huyện Bắc Yên.

1.2. Khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của huyện, đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh, hàm lượng giá trị gia tăng cao, làm cơ sở thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân, tăng thu ngân sách, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện.

**2. Mục tiêu cụ thể**

2.1. Phân đầu đến năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp chế biến nông sản đạt khoảng 24.490 triệu đồng, giá trị so sánh với giai đoạn 2015 - 2020 bình quân tăng 11%/năm. Mục tiêu đến năm 2030, giá trị sản xuất công nghiệp chế biến nông sản đạt khoảng 46.531 triệu đồng, bình quân tăng 15%/năm.

2.2. Duy trì và mở rộng quy mô sản xuất 04 cơ sở sản xuất, chế biến nông sản hiện có trên địa bàn (*Công ty TNHH Trà và Đặc sản Tây Bắc, Công ty cổ phần Bảo Lâm Sơn La, Công ty TNHH Bắc Sơn, HTX nông nghiệp hữu cơ Bắc Yên*). Thu hút đầu tư cơ sở sản xuất, chế biến nông sản trong giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 từ 03 đến 04 cơ sở trở lên.

2.3. Phân đầu đến năm 2025, giá trị sản phẩm nông sản chế biến tham gia xuất khẩu đạt khoảng 259.435 USD. Đến năm 2030, giá trị sản phẩm nông sản chế biến tham gia xuất khẩu phân đầu đạt khoảng 415.096 USD, giá trị sản phẩm tăng bình quân 12%/năm.

## **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

### **1. Định hướng chung**

Để tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp; Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh Sơn La triển khai Nghị quyết số 06/-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, UBND huyện sẽ đề cao một số giải pháp trọng tâm sau:

1.1. Chuyển dịch, cơ cấu lại công nghiệp chế biến nông sản: Điều chỉnh phân bố các cơ sở chế biến nông sản theo hướng gắn với phát triển vùng nguyên liệu tập trung và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở cơ cấu lại vật nuôi, cây trồng của huyện; định hướng lại phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản tại các địa phương có sản lượng nông sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics, có tiềm năng trở thành động lực tăng trưởng cho cả huyện.

1.2. Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư vào chế biến nông sản: Tiếp tục nghiên cứu và xây dựng chiến lược phát triển chung về công nghiệp chế biến nông sản và các Đề án phát triển chế biến các ngành hàng có tiềm năng về sản xuất và thị trường tiêu thụ để định hướng lâu dài cho doanh nghiệp tập trung đầu tư phát triển mạnh những ngành hàng này; đề xuất với cấp có thẩm quyền về đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách để tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi đối với từng địa bàn có tính đặc thù ngành hàng.

1.3. Phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực cho công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản: Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất nhằm phát triển mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong việc kết nối theo chiều dọc giữa người sản xuất nguyên liệu - nhà chế biến và người tiêu dùng; đồng thời kết nối giữa các cơ sở chế biến nông sản với nhau theo chiều ngang để tạo ra cơ chế phối hợp hoạt động theo tín hiệu thị trường. Xây dựng các mô hình trình diễn về công nghiệp chế biến và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

### **2. Công nghiệp chế biến**

2.1. Chế biến chè: Nâng cấp, đổi mới công nghệ, đầu tư chế biến sâu và đa dạng, tăng giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng giá trị xuất khẩu. Thu hút đầu tư mới dự án chế biến sâu sản phẩm chè Tà Xùa.

2.2. Chế biến rau, quả: Mở rộng quy mô chế biến và sản xuất sản phẩm táo Sơn Tra như: Nước táo Siro, Rượu vang Sơn Tra, rượu nồng độ cao, nước ép táo Sơn Tra của Công ty TNHH Bắc Sơn, sản lượng bình quân từ 150 tấn/năm trở lên; cơ sở chế biến và sản xuất mĂNG tây của HTX nông nghiệp hữu cơ Bắc Yên.

2.3. Chế biến dược liệu: Khuyến khích phát triển và hình thành nhiều cơ sở chế biến sản phẩm dược liệu từ cây sả với thương hiệu sản phẩm “Tinh dầu Sả Java”. Với diện tích vùng nguyên liệu hiện nay là 86,6 ha, tổng sản lượng tiêu thụ bình quân trong giai đoạn đạt từ 1.600 tấn trở lên.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân huyện đề xuất một số giải pháp cần triển khai thực hiện nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản của huyện cần thực hiện một số giải pháp sau:

#### **1. Quan điểm công tác lãnh đạo chỉ đạo**

- Thường xuyên chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương thực hiện các văn bản hướng dẫn của cấp trên về phát triển công nghiệp chế biến nông sản như: Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/07/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 04/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp nông lâm thủy sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp; Đề án phát triển công nghiệp chế biến nông sản giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh Sơn La.

- Triển khai các giải pháp đồng bộ, kịp thời nhằm khôi phục lại các hoạt động sản xuất, chế biến, cung ứng nông sản bị ảnh hưởng của dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19, đảm bảo vừa đạt được mục tiêu tăng trưởng ngành, xuất khẩu nông sản. Nghiên cứu và triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy đầu tư công nghiệp chế biến nông sản, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản.

- Tiếp tục đa dạng hóa thị trường nông sản của huyện, tăng cường xuất khẩu nông sản an toàn, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng kênh phân phối thị trường trong nước đối với hàng hóa chế biến nông sản. Triển khai các giải pháp đảm bảo nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản.

- Phối hợp triển khai hiệu quả các chương trình khoa học và công nghệ để hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân, Hợp tác xã nâng cấp công nghệ chế biến, bảo quản nông sản; trong đó ưu tiên đối với sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ, tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm trong thị trường thương mại; hàng năm lựa chọn các sản phẩm chủ lực của huyện đăng ký tham gia chương trình OCOP mỗi xã một sản phẩm; xây dựng các điểm bán hàng cho sản phẩm OCOP và các mặt hàng nông sản đặc trưng của huyện.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thường xuyên triển khai các biện pháp tuyên truyền cho doanh nghiệp, Hợp tác xã, người nông dân về các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến nông sản.

#### **2. Phát triển vùng nguyên liệu**

- Phát triển vùng nguyên liệu nông sản theo hướng tập trung, phù hợp với phương án sử dụng đất gắn liền với cơ sở chế biến nông sản, ưu tiên hình thành các khu, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung, chuyên canh, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, giảm giá thành sản phẩm. Thực hiện mô hình

dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất, phát huy vai trò của các HTX kiểu mới trong liên kết sản xuất.

- Tăng cường công tác khuyến nông, đào tạo, hướng dẫn, xây dựng mô hình để chuyển giao giống mới; áp dụng cơ giới hoá, khoa học kỹ thuật, từng bước chuyển đổi số trong sản xuất nông sản.

- Tổng diện tích vùng nguyên liệu cây công nghiệp là 5.142 ha, sản lượng đạt 47.934 tấn trong năm 2020, tốc độ tăng bình quân trong giai đoạn là 540,2 ha/năm. Định hướng đến năm 2030 tổng diện tích đạt 6.318 ha, sản lượng ước đạt 59.485 tấn.

- Tổng diện tích vùng nguyên liệu rau, quả là 6.603 ha, sản lượng đạt 10.959 tấn trong năm 2020, tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn là 800,6 ha/năm. Định hướng đến năm 2030 tổng diện tích vùng trồng là 10.302 ha, sản lượng ước đạt 17.091,2 tấn.

- Diện tích vùng dược liệu là 520 ha, sản lượng đạt 1.536 tấn trong năm 2020, tốc độ tăng bình quân trong giai đoạn là 108,1 ha/năm. Trong giai đoạn tới loại cây dược liệu Sả sẽ được mở rộng mạnh diện tích vùng trồng, phân đầu đến năm 2030 diện tích vùng nguyên liệu ước đạt 990 ha, tổng sản lượng ước đạt 6.335 tấn.

### **3. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ công nghiệp chế biến nông sản**

- Quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông vận tải, phát triển hệ thống cấp điện, nước, thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải, rác thải, khí thải và chất thải công nghiệp.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến, các chuỗi cửa hàng tiện lợi, chợ đầu mối, các điểm tập kết, sơ chế, bảo quản, trung chuyển nông sản của huyện; xây dựng cơ sở hạ tầng, giao dịch thương mại điện tử,... hỗ trợ cho việc phát triển công nghiệp chế biến nông sản.

### **4. Phát triển chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ**

- Thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, mở rộng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tạo chuỗi liên kết vùng, liên kết khu vực. Nâng cao chất lượng các chuỗi liên kết giá trị. Trên cơ sở ký kết hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản để đảm bảo ổn định lâu dài nguyên liệu cho sản xuất chế biến.

- Hình thành các Hợp tác xã là cầu nối giữa doanh nghiệp chế biến với các hộ gia đình tạo thành chuỗi liên kết bền vững từ sản xuất - thu gom, sơ chế, bảo quản - chế biến - tiêu thụ, xuất khẩu. Đối với các cơ sở chế biến nông sản mới, đầu tư khảo sát, xác định rõ vùng nguyên liệu trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, tổ chức ký cam kết với các hộ gia đình, Hợp tác xã cung cấp nguyên liệu, trước khi trình xin chủ trương xây dựng nhà máy.

### **5. Nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn thực phẩm**

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản từ khâu sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, đảm bảo an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

- Xây dựng, áp dụng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, truy xuất nguồn gốc cho các ngành hàng nông sản; áp dụng công nghệ tin học, tự động kết nối điện thoại thông minh, xây dựng các phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản, tăng niềm tin của người tiêu dùng và trách nhiệm, uy tín nhà sản xuất.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong tất cả các cơ sở chế biến nông sản, nhất là các cơ sở chế biến xuất khẩu để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

## **6. Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, xúc tiến thương mại**

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường trong nước và trên thế giới về thị phần, thị hiếu, giá cả, các tiêu chuẩn sản phẩm... để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển thị trường cho các sản phẩm nông sản.

- Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm đặc trưng của huyện tới các tỉnh, thành phố trên cả nước và xuất khẩu nước ngoài.

- Phát triển hạ tầng thương mại, hệ thống logistic kết nối giữa người sản xuất với nhà phân phối, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động phân phối sản phẩm nông nghiệp, phát triển trung tâm trung bày, giới thiệu sản phẩm nông sản chế biến đặc sản mang tầm khu vực.

- Tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế trong và ngoài nước để giới thiệu sản phẩm nông lâm thủy sản.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền cho người tiêu dùng nhận biết, tiêu dùng các sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm.

## **7. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ về quản lý nhà nước, khoa học công nghệ, ngoại ngữ và kỹ năng thương mại quốc tế cho đội ngũ cán bộ công tác trong lĩnh vực chế biến và phát triển thị trường nông sản; nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ thiết bị tiên tiến, hiện đại thông qua các khóa học của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Đào tạo nâng cao trình độ của người sản xuất kinh doanh, sơ chế, chế biến, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và kiến thức thị trường.

## **8. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách**

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, đặc biệt các mặt hàng chế biến của Trung ương và tỉnh đã ban hành, tham mưu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách mới phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu trong tình hình hiện nay.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến quy mô nhỏ và vừa để tiêu thụ sản phẩm nông sản tại chỗ cho người nông dân; hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư đối với từng địa bàn có tính đặc thù của các địa phương, ngành hàng.

- Tăng cường tiếp cận thông tin và công tác cảnh báo sớm về các rào cản: thương mại của các nước nhập khẩu; thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại, đồng thời tận dụng tốt các quy định quốc tế về chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc xuất xứ, đăng ký bản quyền, thương hiệu để bảo vệ doanh nghiệp và sản phẩm của huyện trong thương mại quốc tế.

#### **9. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

- Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị quản lý công tác chế biến và phát triển thị trường nông sản theo quy định của Trung ương của tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý lĩnh vực chế biến, bảo quản nông sản, gắn bó chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp trong việc đảm bảo nguyên liệu cho chế biến và quyền lợi của nông dân.

### **IV. NGUỒN KINH PHÍ**

1. Nguồn kinh phí thực hiện từ các nguồn vốn: Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, ngân sách của tỉnh, vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, Hợp tác xã, huy động vốn đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác (nếu có).

2. Nguyên tắc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: Hỗ trợ được thực hiện thông qua các chương trình, đề án, dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nhu cầu vốn thực hiện: 20.000 triệu đồng.

*Trong đó:*

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 5.000 triệu đồng.

- Vốn của doanh nghiệp, của dân và các nguồn khác: 15.000 triệu đồng.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Cơ quan chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, cơ cấu lại lĩnh vực chế biến nông sản gắn với phát triển thị trường ngành nông nghiệp theo đúng quy định. Xây dựng kế hoạch chi tiết và hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch đề ra; theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện theo quy định.

- Tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản phục vụ công tác tái cơ cấu lại lĩnh vực chế biến ngành nông nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kiểm tra, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch của các đơn vị, tổng hợp báo cáo UBND huyện theo quy định.

#### **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp nhu cầu nguồn vốn của các đơn vị để thực hiện Kế hoạch. Hướng dẫn, công khai trình tự, thủ tục lập,

trình duyệt, thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư phát triển sản xuất, chế biến nông sản ngành nông nghiệp theo quy định.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị chủ trì tham mưu cân đối, bố trí kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ theo quy định.

- Chủ trì hướng dẫn xây dựng dự toán, nghiệm thu, thanh toán nguồn kinh phí theo đúng quy định.

### **3. Phòng Tài nguyên và Môi trường**

- Tăng cường quản lý nhà nước về sử dụng đất nông nghiệp. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chủ trì tham mưu đề xuất cơ chế, chính sách tích tụ đất nông nghiệp, phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn.

- Tham mưu quản lý bảo vệ môi trường của các cơ sở chế biến nông sản. Đề xuất các giải pháp xử lý môi trường tại các cơ sở chế biến nông sản.

- Tăng cường kiểm tra các cơ sở có phát sinh chất thải công nghiệp lớn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm môi trường.

**4. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:** Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai công tác đào tạo nghề cho lao động, phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp chế biến nông sản; giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

**5. Trung tâm Truyền thông - Văn hoá:** Chủ trì công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông sản. Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các hoạt động thông tin tuyên truyền.

### **6. Phòng Kinh tế và Hạ tầng**

- Chủ trì phối hợp đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát, tham mưu đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách có liên quan tới năng lực ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ.

- Đề xuất các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ tiên tiến; ứng dụng và đổi mới công nghệ vào sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản.

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về ứng dụng và đổi mới công nghệ vào sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản.

- Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm đặc trưng của huyện tới các tỉnh, thành phố trên cả nước và xuất khẩu nước ngoài.

### **7. UBND các xã, thị trấn**

- Xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của địa phương về nông nghiệp, nông thôn; tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch, khuyến

khích ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản; phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất và đầu tư, phát triển các sản phẩm có thể mạnh của từng địa phương.

- Đề xuất các kế hoạch, đề án, dự án cụ thể để phát triển chế biến nông sản trên địa bàn gắn với vùng nguyên liệu, thế mạnh của địa phương, phù hợp với định hướng phát triển chung của huyện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, đồng thời gắn với việc hướng dẫn, hỗ trợ các thủ tục đăng ký biến động đất đai cho người dân để khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình đẩy mạnh dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất để phát triển vùng nguyên liệu gắn với các cơ sở chế biến.

### **8. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn**

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng tới toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn về Nghị quyết phát triển công nghiệp chế biến nông sản giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và tuyên truyền chủ trương, đường lối, quan điểm, mục tiêu của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, huyện về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú và qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này và tình hình thực tế của cơ quan đơn vị, địa phương xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp chế biến nông sản huyện Bắc Yên giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và kế hoạch hàng năm xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu, phân công rõ cá nhân, tổ chức thực hiện.

### **9. Chế độ thông tin báo cáo**

Định kỳ hàng năm (*trước ngày 05/12 hàng năm*) hoặc đột xuất của các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch về UBND huyện (*qua phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND huyện*).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những bất cập, khó khăn, vướng mắc kịp thời đề xuất giải pháp, báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực huyện uỷ (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan đơn vị có liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trịnh Thị Phụng**